TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày 02/6/2023
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Thắng
2. Ông Trần Hải Đăng
- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2022/TLST-DS ngày 23/12/2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-DS ngày 16/5/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đinh Triệu L, sinh năm 1970
Địa chỉ: Tổ dân phố HT, thị trấn CT, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
* Bị đơn: Anh Nông Trường V, sinh năm 1976
Địa chỉ: TDP A, thị trấn BT, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.
* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Bà Phạm Thị Z, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ dân phố HT, thị trấn CT, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
Bà Z ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng.
(ông L có mặt. Bà Z, anh V đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Đinh Triệu L trình bày:

Ngày 20/7/2013, ông cho ông Nông Trường V vay số tiền 135.000.000đồng để đầu tư vào bệnh viện. Thời hạn vay tiền là 04 ngày. Lãi

suất thỏa thuận là 2.000đồng/triệu/ngày. Đến hạn trả nợ, ông đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nợ nhưng ông V không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông V phải trả cho vợ chồng ông 135.000.000đồng tiền gốc và 115.000.000đồng tiền lãi.

- Bị đơn là anh Nông Trường V trình bày:

Anh quen biết ông Đinh Triệu L, sinh năm 1970 ở TDP HT, thị trấn CT, huyện Tân Yên. Cuối năm 2012, anh vay của ông L 25.000.000đồng. Tháng 01/2013 anh vay tiếp 70.000.000đồng. Hai khoản vay này không thỏa thuận thời hạn trả tiền cụ thể, lãi suất đều là 2.000đồng/triệu/ngày. Đến tháng 7/2013 cộng cả gốc và lãi thành 135.000.000đồng. Tôi đã thỏa thuận với ông L là anh đồng ý trả số tiền 135.000.000đồng nhưng trả dần. Hai bên thỏa thuận anh trả hết 135.000.000đồng thì không tính lãi nữa. Tôi là người viết giấy biên nhận vay tiền số tiền 135.000.000 đồng ngày 20/7/2013 và anh ký dưới phần người vay ký. tại phần lãi suất thì ông L yêu cầu anh viết nội dung "thỏa thuận" vào. Thực tế thì hai bên không thỏa thuận mức lãi là bao nhiêu mà ông L nói với anh là cứ trả 135.000.000đồng xong thì thôi, nếu không trả đủ thì ý ông L là sẽ kiện. Hai bên không hẹn thời hạn trả còn việc ghi trong giấy vay tiền về thời hạn trả nợ là 4 ngày từ ngày 20/7/2013 đến ngày 23/7/2013 thì anh không xác định được là anh ghi hay ông L ghi. Mục đích anh vay tiền hai lần trước là để vay cho bạn anh đầu tư kinh doanh nhưng bạn anh phải đi chấp hành án chưa trả cho anh nên anh chưa trả cho ông L được hết nợ. Năm 2014 anh đã 3 lần trả nợ ông L là 1 lần 10.000.000 đồng trả khoảng ngày 24 – 25/12/2013 âm lịch, lần 2 là tháng 8/2014 trả 3.000.000đồng, lần 3 là ngày 26/12/2014 âm lịch trả 3.000.000đồng. 3 lần trả này anh đưa tiền mà không lập giấy tờ gì, không có ai chứng kiến, trả tại nhà ông L. Đến khoảng tháng 10/2022 anh trả 3.000.000đồng qua tài khoản 2506205297690 của Dương Văn Quang (không rõ năm sinh địa chỉ vì ông L bảo anh cứ gửi vào số tài khoản này). Nay ông L yêu cầu anh phải trả 135.000.000đồng và tiền lãi 115.000.000đồng thì anh đồng ý trả 135.000.000đồng, anh không yêu cầu trừ đi số tiền anh đã trả 4 lần nhưng anh không đồng ý trả tiền lãi của số tiền 135.000.000đồng như ông L yêu cầu. Nếu ông L không đồng ý mà cứ đòi anh phải trả 135.000.000đồng và tiền lãi thì anh không đồng ý trả tiền lãi vì không có thỏa thuận trả lãi khi chốt nợ 135.000.000đồng. Còn 4 lần anh đã trả nợ thì đề nghị trừ vào số tiền 135.000.000 đồng còn lại 116.000.000đồng anh đồng ý trả 116.000.000đồng. Anh không đề nghị giám định chữ viết chữ số ở phần thời hạn vay. Từ trước đến nay anh chưa từng kết hôn, trách nhiệm trả nợ là của cá nhân anh. Về các chứng cứ chứng minh từ khoản vay 25.000.000đồng và 70.000.000đồng cộng với lãi thành 135.000.000đồng thì anh có giấy biên nhận hai khoản vay này, anh

sẽ cung cấp tại phiên tòa ngày mai. Các khoản vay này nhân với lãi suất nêu trên là ra 135.000.000đồng. Nếu trước phiên tòa anh không nộp các giấy biên nhận thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Z* ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng, bà Z không có ý kiến nộp cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, anh V vắng mặt, ông L có mặt* đã khẳng định số tiền 135.000.000đồng là khoản ông cho anh V vay, không phải là kết quả của 02 khoản vay 25.000.000đồng và 70.000.000đồng cộng với lãi suất như anh V trình bày. Ông L cũng khẳng định thời hạn vay là 04 ngày phải trả tiền, nếu không trả nợ thì ông yêu cầu trả lãi. Ông L thừa nhận anh V đã trả 3.000.000đồng qua tài khoản và ông chấp nhận trừ 3.000.000đồng này vào 135.000.000đồng tiền gốc. Ông L không thừa nhận 03 lần anh V trả nợ trực tiếp cho ông như anh V trình bày. Nay ông L yêu cầu anh V phải trả 132.000.000đồng và tiền lãi trên số tiền này theo mức 0,83%/tháng từ ngày 24/7/2013 (ngày quá hạn trả nợ) đến ngày xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông L khởi kiện anh V yêu cầu trả tiền đã cho vay nên đây là quan hệ pháp luật về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Anh V cư trú tại huyện Yên Thế nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Anh V vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Z vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông L đối với anh V:

- Về số tiền cho vay:

Theo ông L trình bày, ngày 20/7/2013, ông cho ông Nông Trường V vay số tiền 135.000.000đồng để đầu tư vào bệnh viện. Thời hạn vay tiền là 04 ngày. Lãi suất thỏa thuận. Trình bày của ông L phù hợp với nội dung giấy biên nhận vay tiền ngày 20/7/2013 do anh V viết với nội dung anh V vay của ông L số tiền

135.000.000 đồng với mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất thỏa thuận như ông L trình bày.

Theo anh V trình bày, số tiền 135.000.000đồng ông L yêu cầu anh phải trả thực tế là tổng của 2 khoản anh vay trước đó cộng với tiền lãi. Cụ thể là cuối năm 2012, anh vay của ông L 25.000.000đồng. Tháng 01/2013 anh vay tiếp 70.000.000đồng. Hai khoản vay này không thỏa thuận thời hạn trả tiền cụ thể, lãi suất đều là 2.000đồng/triệu/ngày. Đến tháng 7/2013 cộng cả gốc và lãi thành 135.000.000đồng. Ý kiến này của anh V không rõ ràng, cụ thể về thời điểm vay, anh V cam kết sẽ cung cấp giấy biên nhận vay 02 khoản vay này nhưng anh không cung cấp được. Ông L không thừa nhận ý kiến của anh V. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của anh V còn trình bày của ông L có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 20/7/2013, anh V đã vay của ông L số tiền 135.000.000đồng.

- Về thời hạn vay:

Theo ông L trình bày phù hợp với nội dung ghi trong giấy biên nhận vay tiền là 04 ngày. Anh V cho rằng hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và anh không biết anh hay ông L tự ghi thời hạn trả nợ nhưng anh không đề nghị giám định chữ viết chữ số nên ý kiến của anh V không được chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định thời hạn vay là 04 ngày. Nay đã quá hạn nhưng anh V không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay tài sản đã ghi: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Nay ông L khởi kiện yêu cầu anh V phải trả số nợ là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc anh V phải trả cho ông L số tiền còn nợ.

- Về số nợ phải trả: Anh V cho rằng anh đã 3 lần trả nợ cho ông L gồm: lần 1 trả 10.000.000 đồng, lần 2 trả 3.000.000đồng, lần 3 trả 3.000.000đồng. 3 lần trả này anh đưa tiền mà không lập giấy tờ gì, không có ai chứng kiến. Lần thứ 4 anh trả 3.000.000đồng qua tài khoản của Dương Văn Quang, nay anh chỉ còn nợ 116.000.000đồng. Ông L chỉ thừa nhận anh V đã trả nợ 01 lần qua chuyển khoản được 3.000.000 đồng, ngoài ra không có lần nào anh V trả nợ nữa. Do vậy Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định anh V đã trả ông L được 3.000.000đồng qua tài khoản, còn 3 lần trả nợ trực tiếp thì không có căn cứ chấp nhận. Nay xác định anh V còn nợ ông L 132.000.000đồng tiền gốc và anh V phải trả số tiền này.

- Về yêu cầu tính lãi: Ông L trình bày, thời hạn cho vay là 04 ngày từ ngày 20/7/2013 đến ngày 23/7/2013. Sau 04 ngày anh V không trả được nợ nên ông yêu cầu tính lãi trên số tiền 132.000.000đồng từ ngày 24/7/2013 đến ngày 02/6/2023 (ngày xét xử) theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, phù hợp với

Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả lãi của ông L, buộc anh V phải trả cho ông L tiền lãi là 132.000.000đồng x 0,83%/tháng = 1.095.600đồng/tháng = 36.500đồng/ngày. Tiền lãi là (118 tháng x 1.095.600 đồng/tháng) + (08 ngày x 36.500đồng/ngày) = 129.280.800đồng + 292.000đồng = 129.572.800 đồng

Tổng cả gốc và lãi anh V phải trả cho ông L là 132.000.000đồng + 129.572.800đồng = 261.572.800đồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng ông L bà Z. Anh V chưa kết hôn nên cá nhân anh V phải trả nợ cho ông L bà Z số tiền 261.572.800đồng.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thì yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí là 261.572.800đồng x 5% = 13.078.000 đồng. Ông L không phải chịu án phí, hoàn trả ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông L bà Z có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Triệu L đối với anh Nông Trường V.

Buộc anh Nông Trường V phải trả cho ông Đinh Triệu L và bà Phạm Thị Z số tiền gốc là 132.000.000 đồng, tiền lãi là 129.572.800đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 261.572.800đồng (hai trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm bẩy mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành

không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Anh Nông Trường V phải chịu 13.078.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Đinh Triệu L số tiền 6.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009008 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

3. Về quyền kháng cáo: Ông L, bà Z có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Đăng